

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 73/2026/DS-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Phát;

Bà Lê Thị Đông Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Cao Tấn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2026/QĐST-DS ngày 07/5/2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị P**, sinh năm 1977; cư trú tại: **thôn H, xã X, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1973; cư trú tại: **khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk**; chỗ ở hiện nay: **số B, Tổ E, Đường T, Ấp C, xã C, thành phố Hồ Chí Minh**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà **Hồ Thị P** trình bày: Ngày 12/12/2019, bà có cho bà **Nguyễn Thị Thanh L** vay số tiền 100.000.000 đồng, sử dụng vào mục đích kinh doanh riêng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày hợp đồng được công chứng, lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật theo thỏa thuận, bà **L** sẽ trả tiền lãi vào ngày 13 dương lịch hàng tháng.

Đến ngày 19/8/2020, bà tiếp tục cho bà **Nguyễn Thị Thanh L** vay số tiền 230.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích kinh doanh, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là kể từ ngày hợp đồng được công chứng đến ngày 31/12/2021, lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không được trái quy định của pháp luật, bà **L** sẽ thanh toán tiền lãi vào ngày 15 dương lịch hàng tháng.

Sau khi vay, bà **L** không trả tiền lãi cho bà và đến hạn trả nợ cũng không trả tiền gốc. Bà có đến nhà bà **L** để yêu cầu trả số tiền đã vay nhưng bà **L** không trả. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Nguyễn Thị Thanh L** phải trả cho bà số tiền 330.000.000 đồng của hai lần vay nói trên, yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật với lãi suất 10%/năm như sau: đối với khoản vay 100.000.000 đồng tính lãi kể từ ngày 12/12/2019 đến ngày 12/12/2025 = 6 năm $\times 10\%/năm$ là 60.000.000 đồng, đối với khoản vay 230.000.000 đồng tính lãi từ ngày 19/8/2020 đến ngày 19/01/2026 = 05 năm 05 tháng $\times 10\%/năm$ là 124.580.000 đồng.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh L** vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh L** trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà **Hồ Thị P** 100.000.000 đồng vào ngày 12/12/2019, có lập hợp đồng vay và hai bên có thỏa thuận lãi nhưng không ghi lãi suất cụ thể vào hợp đồng. Sau khi vay, bà đã trả tiền lãi cho bà **P** mỗi tháng 10.000.000 đồng (đã trả được 5 hay 6 tháng), sau đó thì bà không còn khả năng trả nợ. Đến ngày 19/8/2020, hai bên tổng kết số nợ gốc và lãi là 230.000.000 đồng và có ký lại hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng, điều kiện là bà **Hồ Thị P** phải huỷ hợp đồng vay 100.000.000 đồng. Nay bà **P** khởi kiện thì bà chấp nhận trả cho bà **P** số tiền 230.000.000 đồng và do không còn khả năng trả nợ nên bà xin trả dần; bà không đồng ý trả khoản vay 100.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên, về thời hạn đưa vụ án ra xét xử có chậm so với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị P** là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 330.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm theo hợp đồng hai bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà **Hồ Thị P** cung cấp 02 Hợp đồng vay tiền giữa bên cho vay là bà **Hồ Thị P** và bên cho vay là bà **Nguyễn Thị Thanh L**, trong đó: Hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2019, bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh L** vay số tiền 100.000.000 đồng, sử dụng vào mục đích kinh doanh riêng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày hợp đồng được công chứng và Hợp đồng ngày 19/8/2020, bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh L** vay số tiền 230.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích kinh doanh, thời hạn vay là kể từ ngày hợp đồng được công chứng đến ngày 31/12/2021. Sau khi vay, bị đơn không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả hai khoản vay tổng cộng 330.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy: Căn cứ vào hai Hợp đồng vay tiền nguyên đơn cung cấp thì bị đơn có vay hai lần của nguyên đơn với tổng số tiền 330.000.000 đồng. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì thời hạn trả nợ là một năm kể từ ngày vay (ngày 12/12/2019); đối với khoản vay 230.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 31/12/2021. Tuy nhiên, hết thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 330.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Bị đơn không thừa nhận toàn bộ hai khoản vay mà cho rằng khoản vay 230.000.000 đồng là cộng cả gốc và lãi của khoản vay 100.000.000 đồng, thực tế, bị đơn không nhận khoản tiền này. Tuy nhiên, nguyên đơn không chấp nhận ý kiến trình bày của bị đơn. Căn cứ vào lời khai của bị đơn cho rằng sau khi vay đã trả lãi khoảng 6-7 tháng, mỗi tháng 10 triệu đồng thì tính đến thời điểm ký hợp đồng vay ngày 19/8/2020 chỉ còn khoảng 1-2 tháng nhưng số tiền vay trong hợp đồng này là 230.000.000 đồng là không phù hợp. Bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh khoản vay 230.000.000 đồng là cộng dồn gốc và lãi của khoản vay 100.000.000 đồng nên ý kiến của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tiền lãi: Căn cứ vào hai Hợp đồng vay tiền có ghi lãi suất do các bên tự thỏa thuận, không ghi rõ lãi suất bao nhiêu nhưng trong hợp đồng vay có thỏa thuận ngày trả lãi hàng tháng và hai bên đều thống nhất có thỏa thuận lãi. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi cho hai khoản vay như sau: Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, thời gian tính lãi kể từ ngày 12/12/2019 đến ngày 12/12/2025 = 6 năm x 10%/năm x 100.000.000 đồng là 60.000.000 đồng; đối với khoản vay 230.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 19/8/2020 đến ngày 19/01/2026 = 05 năm 05 tháng x 10%/năm x 230.000.000 đồng là 124.580.000 đồng; tổng cộng: 184.580.000 đồng.

Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn khoảng 6-7 tháng tiền lãi nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị P.**

Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh L** phải trả cho nguyên đơn bà **Hồ Thị P** số tiền 514.580.000 (Năm trăm mười bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng (trong đó: tiền gốc là 330.000.000 đồng, tiền lãi là 184.580.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thanh L** phải chịu 24.583.000 (Hai mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn bà **Hồ Thị P** tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.250.000 (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tại biên lai số 0002937 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk) và 4.375.000 (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tại biên lai số 0003384 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 11 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa